

Bản án số: 180 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2022

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Thanh

2/ Bà Phạm Thị Kim Thảo

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tố Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 466/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 269/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 218/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/12/2022 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm: 1994 (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Vĩnh T, xã Vĩnh N, huyện c, An Giang

Tạm trú: Ấp 1, xã Mỹ Y, huyện Bến L, tỉnh Long An

2.*Bị đơn:* Anh Đỗ Thành N, sinh năm: 1992 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Vĩnh T, xã Vĩnh N, huyện C, An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 16/08//2022, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Thành N quen biết, tìm hiểu nhau và cùng thống nhất đi đến hôn nhân vào năm 2011. Chị và anh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh N. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 56/KH, ngày 20/6/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 2 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và lối sống không còn phù hợp, chị cũng rời quê trở lại Long An làm việc và không còn sống chung.

Tuy gia đình và bản thân hai bên đã nhiều lần hòa giải mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng hơn. Hiện tại mâu thuẫn hai bên trầm trọng không thể hòa giải được. Hai bên đã sống ly thân nhau từ tháng 2 năm 2022 đến nay. Hiện tại chị xác định không còn tình cảm với anh Nm, còn anh Đỗ Thành N thì điện thoại đe dọa làm ảnh hưởng đến tâm lý của chị, chị phải sống trong tâm trạng thấp thỏm lo âu. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đỗ Thành N.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên là Đỗ Thị Như Ý, sinh ngày 31/3/2013. Hiện cháu đang sống với anh N và ông bà nội. Sau ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu Như Ý không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Thành N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đỗ Thành N vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị T. Tòa án cũng tiến hành xác minh lại sự vắng mặt của anh N tại địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì anh N hiện nay hộ khẩu thường trú vẫn ở ấp Vĩnh Thuận, xã Vĩnh N, huyện Châu Thành, An Giang, nhưng anh N vắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn với anh Nm. Về con chung: Đề nghị giao cháu Như Ý cho chị T nuôi dưỡng, Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Đỗ Thành N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do. Còn chị Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị T và anh Đỗ Thành N theo quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tvà anh Đỗ Thành N kết hôn với nhau vào năm 2011, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh N , huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo đơn chị T trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 2 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và lối sống không còn phù hợp, chị cũng rời quê trở lại Long An làm việc và không còn sống chung. Tuy gia đình và bản thân hai bên đã nhiều lần hòa giải mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng hơn. Hiện tại mâu thuẫn hai bên trầm trọng không thể hòa giải được. Hai bên đã sống ly thân nhau từ tháng 2 năm 2022 đến nay. Hiện tại chị xác định không còn tình cảm với anh Nm, còn anh Đỗ Thành N thì điện thoại đe dọa làm ảnh hưởng đến tâm lý của chị, chị phải sống trong tâm trạng thấp thỏm lo âu. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đỗ Thành N. Xét thấy với thời gian ngắn chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn. Trong thời gian ly thân hai bên không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy mời nhưng anh Nm cũng không đến và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để có ý kiến về việc xin ly hôn của chị Tuyền. Hiện tại chị T xác định không còn tình cảm với anh N . Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị T cũng giữ nguyên phần trình bày trong đơn là chị vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của chị Tvà anh Nm không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T , là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên là Đỗ Thị Như Ý, sinh ngày 31/3/2013. Hiện cháu Như Ý đang sống với anh Nm và ông bà nội. Sau ly hôn chị T yêu cầu nuôi cháu Như Ý, không yêu cầu anh Nm cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Như Ý từ nhỏ sống với chị T và anh N , thời gian gần đây cháu sống với anh Nm và gia đình ông bà Nội. Tại biên bản lấy lời khai cháu Như Ý ngày 8/11/2022 thì cháu có nguyện vọng sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó để thực hiện theo nguyện vọng của cháu Như Ý và cũng tạo điều kiện cho chị T chăm sóc cháu, nghĩ nên để chị T được nuôi cháu Ý là phù hợp, anh Nm không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu anh Nm cấp dưỡng. Chị T phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh Nm được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi anh thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu của Chị Lê Thị T được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị T . Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Đỗ Thành N

Giấy chứng nhận kết hôn số: 56/KH, ngày 20/6/2013 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2.Về con chung: Có 01 con chung tên là Đỗ Thị Như Ý, sinh ngày 31/03/2013. Hiện cháu đang sống với anh N. Sau ly hôn chị T được nuôi dưỡng cháu Ý, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh N được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc cháu, không ai được cản trở khi anh thực hiện quyền này.

3.Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4.Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003843 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5.Về kháng cáo: Chị Lê Thị T và anh Đỗ Thành N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung